

**Thông báo về giá trị tài sản ròng quỹ đóng**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

**Giá trị tài sản ròng quỹ**

Ngày 24 tháng 04 năm 2014

Tên công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam

Tên ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Tên quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)

Ngày lập báo cáo: 28/04/2014

Đơn vị tính: VND/%

STT	CHỈ TIÊU	KỶ BÁO CÁO ngày 24/04/2014	KỶ BÁO CÁO ngày 17/04/2014
A	Giá trị tài sản ròng		
A.1	Giá trị đầu kỳ		
	của quỹ	232,974,237,751	239,225,544,245
	của một chứng chỉ quỹ	10,882	11,174
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ		
	của quỹ	230,296,145,540	232,974,237,751
	của một chứng chỉ quỹ	10,757	10,882
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ, trong đó	(125)	(292)
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	(125)	(292)
	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	-	-
A4	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất		
	Giá trị cao nhất (VND)	240,229,917,913	240,229,917,913
	Giá trị thấp nhất (VND)	175,958,626,058	175,958,626,058
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ		
B.1	Giá trị đầu kỳ	10,000	10,100
B.2	Giá trị cuối kỳ	10,100	10,000
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước	100	(100)
B4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ		
	Chênh lệch tuyệt đối (VND)*	(657)	(882)
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+)**	-6.11%	-8.11%
B5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất		
	Giá trị cao nhất (VND)	10,100	10,100
	Giá trị thấp nhất (VND)	6,300	6,300

Lưu ý: \* Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường – Giá trị tài sản ròng cùng thời điểm);

\*\*Được xác định bằng tỷ số (Giá thị trường - Giá trị tài sản ròng)/Giá trị tài sản ròng

